

**HUYỆTÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST

Ngày 22/03/2023

V/v: Tranh chấp về ly hôn, con chung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Thế Hanh

2/ Ông Nguyễn Công Tân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa: ông Phùng Anh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 03 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 366/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn, con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXX ST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985(có mặt)

HKTT: Thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở: Xóm Xây, xã Thuận Thành, huyện Phả Yên, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh năm 1981

Địa chỉ: Thôn Hương Ninh, xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Anh P có đơn xin xét xử vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 04/10/2022, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Lê Văn P kết hôn ngày 25/11/2004, trước khi kết hôn vợ chồng được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về nhà anh P làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình nhà anh P. Cuộc sống vợ chồng chung sống hạnh phúc đến ngày 05/5/2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh P đánh vào tệ nạn xã hội nên vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau. Ngày 06/5/2022 chị bỏ về nhà mẹ đẻ ở đến

nay. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh Lê Văn P không còn, không thể về đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang giải quyết cho chị được ly hôn anh P

Về con chung: Chị và anh P có 03 con chung là: Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 18/11/2007; Lê Như Thuần, sinh ngày 02/8/2011 và Lê Trà My, sinh ngày 27/5/2015. Hiện nay cả ba con chung đang ở với chị và phát triển bình thường. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị không mang thai.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Chị xác định vợ chồng không có, ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn P trình bày: Anh và chị H kết hôn với nhau ngày 25/11/2004, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hợp Thịnh. Sau khi kết hôn chị H về nhà anh làm dâu ngay. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, không thống nhất được quan điểm về kinh tế và quan điểm sống. Chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đầu tháng 4/2022 đến nay. Sau khi chị H bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh có xuống đón chị H về mấy lần nhưng chị H không về. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai gia đình tiến hành hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 4/2022 đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị H không còn. Chị H xin ly hôn thì anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị H đã trình bày là đúng. Hiện nay, cả ba con chung đang ở với chị H phát triển bình thường. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung anh đồng ý. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác: Anh xác định vợ chồng không có, ly hôn Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Đề nghị tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn P và đề nghị để chị nuôi dưỡng cả 03 con chung là: Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 18/11/2007; Lê Như Thuần, sinh ngày 02/8/2011 và Lê Trà My, sinh ngày 27/5/2015 và chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất và các quan hệ khác của vợ chồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố

tung, đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83; Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Lê Văn P

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là: Lê Ngọc Anh, sinh ngày 18/11/2007; Lê Như Thuận, sinh ngày 02/8/2011 và Lê Trà My, sinh ngày 27/5/2015. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012178 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác nhận chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và các chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Xét đơn khởi kiện và yêu cầu tại phiên tòa của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 **Bộ luật tố tụng dân sự**. anh Lê Văn P có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại xã Hợp Thịnh, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của bị đơn là anh Lê Văn P tại phiên tòa nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án là có căn cứ.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh P kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hợp Thịnh được xác định là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình chung sống chị H và anh P có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh P mắc tệ nạn xã hội nên vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên đánh cãi chửi nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Chị H và anh P đã có thời gian sống ly thân đã khá lâu nhưng cả hai không có phương pháp để về đoàn tụ và cùng đề nghị tòa án giải quyết ly hôn. Vì vậy, hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị H được ly hôn anh P theo quy định tại Điều 56 – Luật Hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

[3]. *Về con chung*:Chị H và anh P cùng xác định vợ chồng có 03 con chung là Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 18/11/2007; Lê Như Thuần, sinh ngày 02/8/2011 và Lê Trà My, sinh ngày 27/5/2015. Ly hôn chị H đề nghị được nuôi dưỡng cả ba con chung và anh P đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, bản thân chị H hiện đang làm công nhân, có thu nhập ổn định, có thể chăm sóc được con chung. Vì vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao con cho chị H nuôi dưỡng cả ba con chung là phù hợp với quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[5]. *Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ, nhà ở, quyền sử dụng đất, ruộng đất và các quan hệ khác*:chị H và anh P cùng không yêu cầu Tòa án giải quyết cho nên Hội đồng xét xử không xem xét là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 35; Điều 147, Điều 227; 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Lê Văn P.

Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị H được nuôi dưỡng cả ba con chung Lê Ngọc Ánh, sinh ngày 18/11/2007; Lê Như Thuần, sinh ngày 02/8/2011 và Lê Trà My, sinh ngày 27/5/2015. Anh P không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau cho đến khi các đương sự có yêu cầu. Anh P được quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012178 ngày 19/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa. Xác định chị H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Hợp Thịnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Oanh

